BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Chuyên ngành: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHTPHCM ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

TP. Hồ Chí Minh, Năm

MỤC LỤC

TT	Mã học phần	Tên học phần
1	12 11 1 4 010	Triết học Mác - Lênin
2	12 11 1 4 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	12 11 1 4 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	12 11 1 4 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	12 11 1 4 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
6	12 11 1 4 015	Pháp luật đại cương
7	11 13 1 4 006	Anh văn 1
8	11 13 1 4 002	Anh văn 2
9	11 11 1 4 008	Toán cao cấp 1
10	11 11 1 4 009	Toán cao cấp 2
11	11 11 1 4 010	Toán cao cấp 3
12	11 11 1 4 011	Xác suất thống kê
13	11 12 1 4 009	Cơ - Nhiệt
14	11 12 1 4 010	Điện Từ - Quang
15	11 12 1 4 004	Hóa học đại cương
16	11 12 1 4 005	Thí nghiệm hóa học đại cương
17	30 11 1 4 003	Giáo dục thể chất
18	20 11 1 4 001	Giáo dục quốc phòng - an ninh
19	14 01 1 4 049	Kỹ năng giao tiếp ngành nghề
20	14 01 1 4 003	Cơ sở khoa học môi trường
21	14 01 1 4 204	Sinh thái học
22	14 01 1 4 106	Xác suất thống kê và tối ưu hóa trong phân tích dữ liệu môi trường
23	17 02 1 4 050	Cơ sở viễn thám và GIS
24	17 02 1 4 051	Thực hành cơ sở viễn thám GIS
25	14 03 1 4 232	Hình họa - Vẽ kỹ thuật
26	14 04 1 4 005	Vi sinh môi trường
27	11 13 1 4 004	Anh văn chuyên ngành
28	14 04 1 4 007	Độc học môi trường

29	14 02 1 4 220	Các quá trình hóa lý trong KTMT
30	14 02 1 4 215	Các quá trình sinh học trong KTMT
31	14 04 1 4 154	Hóa kỹ thuật môi trường
32	14 04 1 4 004	Thí nghiệm hóa kỹ thuật môi trường
33	14 04 1 4 009	Quan trắc môi trường
34	14 04 1 4 010	Thực hành quan trắc môi trường
35	14 01 1 4 012	Truyền thông môi trường
36	14 02 1 4 221	Kỹ thuật xử lý chất thải
37	14 01 1 4 047	Chính sách và luật tài nguyên và môi trường
38	14 01 1 4 035	Cơ sở lý luận phát triển bền vững
39	13 11 1 4 240	Biến đổi khí hậu
40	19 02 1 4 003	Địa chất môi trường
41	13 12 1 4 060	Thủy văn đại cương
42	14 01 1 4 045	Môi trường và sức khỏe
43	14 01 1 4 039	Công nghệ sinh học môi trường
44	14 01 1 4 048	Mô hình hóa môi trường
45	14 01 1 4 011	Thực hành mô hình hóa môi trường
46	14 01 1 4 015	Quản lý môi trường
47	14 01 1 4 025	Đánh giá tác động và rủi ro môi trường
48	14 01 1 4 019	Kiểm soát ô nhiễm nước
49	14 01 1 4 016	Kiểm soát ô nhiễm đất
50	14 01 1 4 022	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại
51	14 01 1 4 028	Quản lý rừng và đa dạng sinh học
52	14 02 1 4 222	Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn
53	18 03 1 4 052	Kinh tế môi trường và tài nguyên
54	14 01 1 4 042	Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường
55	14 01 1 4 078	Thực hành ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường
56	14 01 1 4 009	Sản xuất sạch hơn
57	14 01 1 4 073	Kỹ thuật năng lượng
58	14 01 1 4 034	Thực tập tham quan nghề nghiệp

59	14 01 1 4 043	Thực tập quản lý tài nguyên thiên nhiên
60	14 01 1 4 014	An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp
61	14 01 1 4 017	HTQLMT ISO 14000 và kiểm toán môi trường
62	14 01 1 4 023	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp
63	14 01 1 4 033	Đánh giá vòng đời sản phẩm
64	14 01 1 4 040	Khởi nghiệp doanh nghiệp Môi trường
65	14 01 1 4 041	Tài nguyên cảnh quan và Du lịch sinh thái
66	14 01 1 4 044	Quản lý thiên tai và thảm họa
67	15 02 1 4 022	Quản lý tài nguyên đất
68	21 11 1 4 032	Quản lý biển và hải đảo
69	22 12 1 4 047	Quản lý tài nguyên nước
70	14 01 1 4 100	Thực tập tốt nghiệp
71	14 01 1 4 101	Khóa luận tốt nghiệp